



Số/No.: 32400/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/This report is only valid for testing sample)

1. Tên mẫu  
Name of sample: Sản phẩm dinh dưỡng công thức/Formula milk product: a2 PLATINUM® PREMIUM INFANT FORMULA
2. Mã số mẫu/Sample code: 05267143/DV.1
3. Nơi gửi mẫu  
Customer: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phú Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam  
HEALTHY LIVING BUSINESS SOLUTIONS AND TRADE SERVICES CO., LTD.  
Address: Hamlet 18, Phu Van Ward, Ninh Binh Province, Vietnam
4. Ngày nhận mẫu  
Sample received date: 05/05/2026
5. Số lượng mẫu  
Number of sample: 01 mẫu  
01 sample
6. Thời gian kiểm nghiệm  
Testing time: 05/05/2026 - 08/05/2026
7. Mô tả mẫu  
Sample description: Mẫu đựng trong hộp, 900g/hộp.  
Số lượng: 1. Số lô: 2210379611. NSX: 16/01/2026 - HSD: 15/01/2028.  
Sample in a can, 900 g/can. Quantity: 01 can.  
Lot number: 2210379611. MFG: 16/01/2026 - EXP: 15/01/2028
8. Thời gian lưu mẫu  
Sample storage time: Không có mẫu lưu  
No storage sample
9. Kết quả kiểm nghiệm  
Test result(s): Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật  
Physicochemical and Microbiological test

TT/ No.	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Test parameter	Phương pháp kiểm nghiệm/ Test method	Đơn vị/ Unit	Kết quả/ Result
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (Sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn) Cereulide content (The product has been mixed according to the instructions on the label)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH/ND (LOD: 0,03)

### 10. Ghi chú/ Note:

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3 KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.



10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, 08/05/2026

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

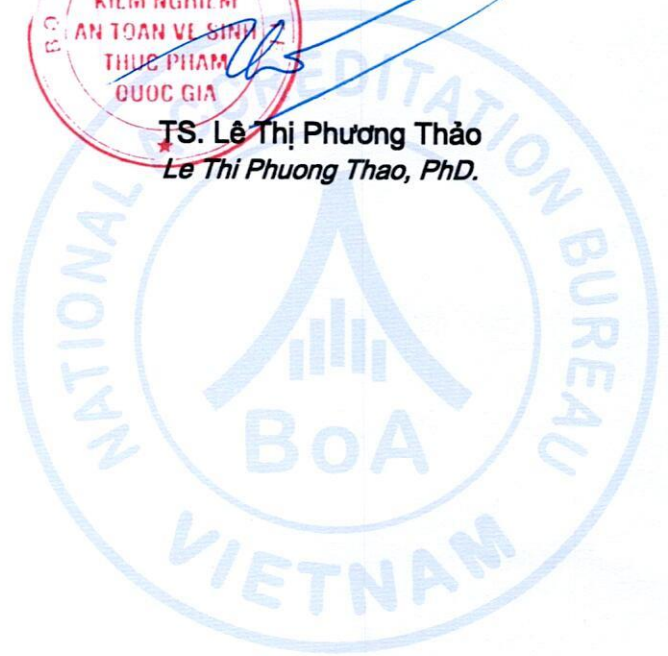
PP. DIRECTOR GENERAL

DEPUTY DIRECTOR



TS. Lê Thị Phương Thảo

Le Thi Phuong Thao, PhD.



VILAS 203



Số/No.: 32401/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/This report is only valid for testing sample)

1. Tên mẫu  
Name of sample: Sản phẩm dinh dưỡng công thức/Formula milk product: a2 PLATINUM® PREMIUM FOLLOW-ON FORMULA
2. Mã số mẫu/Sample code: 05267143/DV.2
3. Nơi gửi mẫu  
Customer: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phú Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam  
HEALTHY LIVING BUSINESS SOLUTIONS AND TRADE SERVICES CO., LTD.  
Address: Hamlet 18, Phu Van Ward, Ninh Binh Province, Vietnam
4. Ngày nhận mẫu  
Sample received date: 05/05/2026
5. Số lượng mẫu  
Number of sample: 01 mẫu  
01 sample
6. Thời gian kiểm nghiệm  
Testing time: 05/05/2026 - 08/05/2026
7. Mô tả mẫu  
Sample description: Mẫu đựng trong hộp, 900 g/hộp.  
Số lượng: 1. Số lô: 2210380048. NSX: 27/01/2026 - HSD: 26/01/2028.  
Sample in a can, 900 g/can. Quantity: 01 can.  
Lot number: 2210380048. MFG: 27/01/2026 - EXP: 26/01/2028
8. Thời gian lưu mẫu  
Sample storage time: Không có mẫu lưu  
No storage sample
9. Kết quả kiểm nghiệm  
Test result(s): Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật  
Physicochemical and Microbiological test

TT/ No.	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Test parameter	Phương pháp kiểm nghiệm/ Test method	Đơn vị/ Unit	Kết quả/ Result
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (Sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn) Cereulide content (The product has been mixed according to the instructions on the label)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH/ND (LOD: 0,03)

### 10. Ghi chú/ Note:

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.



10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, 08/05/2026

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

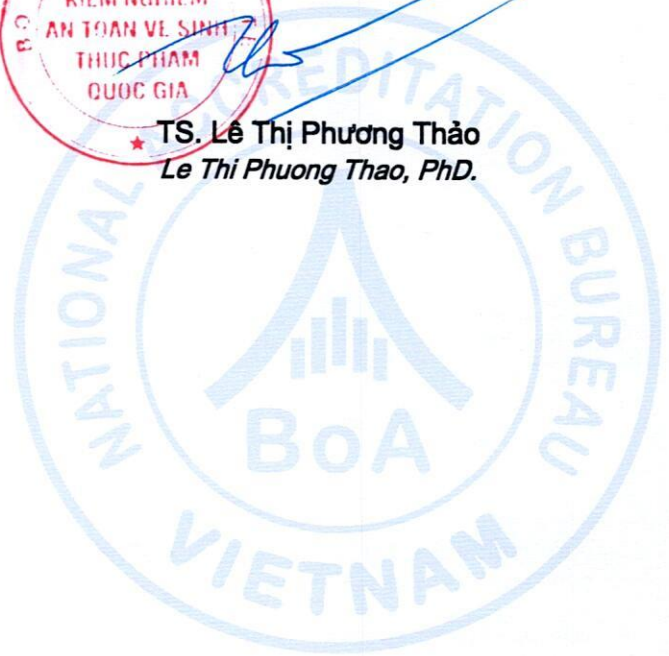
PP. DIRECTOR GENERAL

DEPUTY DIRECTOR



★ TS. Lê Thị Phương Thảo

Le Thi Phuong Thao, PhD.



VILAS 203



Số/No.: 32402/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/This report is only valid for testing sample)

1. Tên mẫu  
Name of sample: Sản phẩm dinh dưỡng/Nutritional product: a2 PLATINUM® PREMIUM TODDLER MILK DRINK
2. Mã số mẫu/Sample code: 05267143/DV.3
3. Nơi gửi mẫu  
Customer: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phú Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam  
HEALTHY LIVING BUSINESS SOLUTIONS AND TRADE SERVICES CO., LTD.  
Address: Hamlet 18, Phu Van Ward, Ninh Binh Province, Vietnam
4. Ngày nhận mẫu  
Sample received date: 05/05/2026
5. Số lượng mẫu  
Number of sample: 01 mẫu  
01 sample
6. Thời gian kiểm nghiệm  
Testing time: 05/05/2026 - 08/05/2026
7. Mô tả mẫu  
Sample description: Mẫu đựng trong hộp, 900 g/hộp.  
Số lượng: 1. Số lô: 2210370970. NSX: 03/01/2026 - HSD: 02/01/2028.  
Sample in a can, 900 g/can. Quantity: 01 can.  
Lot number: 2210370970. MFG: 03/01/2026 - EXP: 02/01/2028
8. Thời gian lưu mẫu  
Sample storage time: Không có mẫu lưu  
No storage sample
9. Kết quả kiểm nghiệm  
Test result(s): Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật  
Physicochemical and Microbiological test

TT/ No.	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Test parameter	Phương pháp kiểm nghiệm/ Test method	Đơn vị/ Unit	Kết quả/ Result
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (Sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn) <i>Cereulide content</i> (The product has been mixed according to the instructions on the label)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH/ND (LOD: 0,03)

**10. Ghi chú/ Note:**

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (®) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.



- 10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.
- 10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.
- 10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

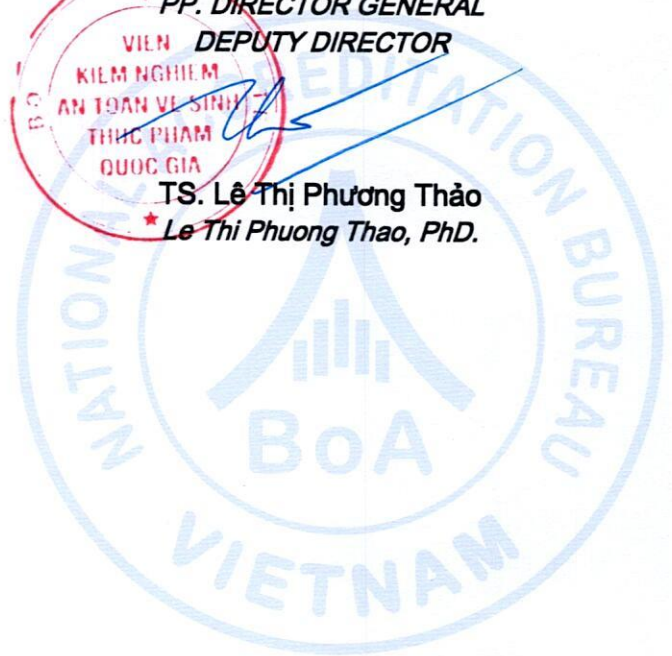
Hà Nội, 08/05/2026

KT.VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

PP. DIRECTOR GENERAL  
DEPUTY DIRECTOR



TS. Lê Thị Phương Thảo  
\* Le Thi Phuong Thao, PhD.



VILAS 203



Số/No.: 32403/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/This report is only valid for testing sample)

1. Tên mẫu  
Name of sample: Sản phẩm dinh dưỡng/Nutritional product: a2 PLATINUM® PREMIUM JUNIOR MILK DRINK
2. Mã số mẫu/Sample code: 05267143/DV.4
3. Nơi gửi mẫu  
Customer: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỔNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phú Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam  
HEALTHY LIVING BUSINESS SOLUTIONS AND TRADE SERVICES CO., LTD.  
Address: Hamlet 18, Phu Van Ward, Ninh Binh Province, Vietnam
4. Ngày nhận mẫu  
Sample received date: 05/05/2026
5. Số lượng mẫu  
Number of sample: 01 mẫu  
01 sample
6. Thời gian kiểm nghiệm  
Testing time: 05/05/2026 - 08/05/2026
7. Mô tả mẫu  
Sample description: Mẫu đựng trong hộp, 900 g/hộp.  
Số lượng: 1. Số lô: L-M-26-10. NSX: 21/01/2026 - HSD: 21/01/2028.  
Sample in a can, 900 g/can. Quantity: 01 can.  
Lot number: L-M-26-10. MFG: 21/01/2026 - EXP: 21/01/2028
8. Thời gian lưu mẫu  
Sample storage time: Không có mẫu lưu  
No storage sample
9. Kết quả kiểm nghiệm  
Test result(s): Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật  
Physicochemical and Microbiological test

TT/ No.	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Test parameter	Phương pháp kiểm nghiệm/ Test method	Đơn vị/ Unit	Kết quả/ Result
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (Sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn) <i>Cereulide content</i> (The product has been mixed according to the instructions on the label)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH/ND (LOD: 0,03)

**10. Ghi chú/ Note:**

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3 KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.



10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, 08/05/2026

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

PP. DIRECTOR GENERAL

DEPUTY DIRECTOR



★ TS. Lê Thị Phương Thảo

Le Thi Phuong Thao, PhD.



VILAS 203



Số: 35147/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng a2 GENTLE GOLD™ PREMIUM JUNIOR MILK DRINK  
2. Mã số mẫu: 05267576/DV.4  
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phú Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam  
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026  
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 19/05/2026  
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lon, 800 g/lon. Số lượng: 1. Số lô: 103036.  
NSX: 02/12/2025 - HSD: 02/12/2027.  
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu  
9. Kết quả kiểm nghiệm: Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH (LOD: 0,03)

### 10. Ghi chú:

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo



Số: 35146/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng a2 GENTLE GOLD™ PREMIUM TODDLER MILK DRINK.  
2. Mã số mẫu: 05267576/DV.3  
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phù Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam  
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026  
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 19/05/2026  
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lon, 800 g/lon. Số lượng: 1. Số lô: 103069.  
NSX: 21/01/2026 - HSD: 21/01/2028.  
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu  
9. Kết quả kiểm nghiệm: Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH (LOD: 0,03)

10. Ghi chú:

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026



TS. Lê Thị Phương Thảo



Số: 35145/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng công thức a2 GENTLE GOLD™ PREMIUM FOLLOW-ON FORMULA
2. Mã số mẫu: 05267576/DV.2
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phù Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 19/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lon, 800 g/lon. Số lượng: 1. Số lô: 103102.  
NSX: 18/02/2026 - HSD: 18/02/2028.
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH (LOD: 0,03)

### 10. Ghi chú:

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm về mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026



TS. Lê Thị Phương Thảo



Số: 35144/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng công thức a2 GENTLE GOLD™ PREMIUM INFANT FORMULA
2. Mã số mẫu: 05267576/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH  
Địa chỉ: Xóm 18, Phường Phú Vân, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 19/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lon, 800 g/lon. Số lượng: 1. Số lô: 103103.  
NSX: 19/02/2026 - HSD: 19/02/2028.
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Hàm lượng Cereulide (sản phẩm đã pha theo công thức trên nhãn)	ISO 18465:2017	µg/L	KPH (LOD: 0,03)

### 10. Ghi chú:

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3 KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026



TS. Lê Thị Phương Thảo